

Số: **23** /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **11** tháng **8** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2016-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/T -BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 112/TTr-STC ngày 27 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình

a. Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (phụ lục số 3 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

b. Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính (trường hợp chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ)

1.5. Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành đối với hình thức hỗ trợ tại điểm 1.3, khoản 1 Điều này:

a. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 01,02 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

b. Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (phụ lục số 3 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

c. Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính (được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chứng từ chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ)

2. Đối với nguồn vốn thường xuyên:

2.1. Ủy ban nhân dân xã thực hiện hạch toán Mục lục Ngân sách nhà nước đối với khoản chi này theo hướng dẫn tại Công văn số 7103/BTC-NSNN ngày 31/5/2011 của Bộ Tài chính về việc hạch toán Mục lục NSNN một số khoản chi NSNN có tính chất đặc thù.

2.2.. Hồ sơ thanh toán đối với hình thức hỗ trợ bằng vật liệu đến công trình:

a. Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ vật liệu xây dựng của cấp có thẩm quyền;

b. Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của UBND xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình;

c. Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ;

d. Giấy rút dự toán (thanh toán);

e. Quyết định lựa chọn nhà thầu cung ứng vật liệu.

f. Hợp đồng cung ứng vật liệu giữa Ban QLDA xã với các đơn vị cung ứng.

g. Biên bản giao nhận vật liệu cho công trình.

2.3. Đối với hình thức hỗ trợ tại điểm 2.2, khoản 2 Điều này: Ban quản lý xã chuyển trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc vào tài khoản cho các đơn vị cung ứng.

2.4. Hồ sơ thanh toán đối với hình thức bằng giá trị tiền tương đương để mua vật liệu xây dựng công trình, bao gồm:

a. Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ vật liệu xây dựng của cấp có thẩm quyền;

b. Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của UBND xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình;

c. Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ;

2.5. Hồ sơ tạm ứng đối với hình thức hỗ trợ tại điểm 2.4, khoản 2 Điều này, bao gồm:

Giấy rút dự toán (tạm ứng), trong đó ghi rõ nội dung tạm ứng để KBNN có căn cứ kiểm soát và theo dõi khi thanh toán. Các khoản chi tạm ứng tiền mặt phải đúng theo quy định tại Điều 5 và khoản 2, Điều 10 Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính và các khoản chi có cơ chế hướng dẫn riêng được phép chi bằng tiền mặt.

2.6. Hồ sơ thanh toán trực tiếp đối với hình thức hỗ trợ tại điểm 2.4, khoản 2 Điều này, bao gồm:

a. Giấy rút dự toán (thanh toán);

b. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu (phụ lục số 01,02 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

Điều 6. Quyết toán vốn hàng năm

1. Đối với nguồn vốn đầu tư:

Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đối chiếu số liệu về kế hoạch và vốn đã thanh toán với Kho bạc nhà nước huyện và lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm theo Quyết định số 412/2011/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách huyện, xã theo niên độ ngân sách hàng năm và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với nguồn vốn thường xuyên:

2.1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo quyết toán hàng năm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân

sách và tài chính xã; Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2. Căn cứ báo cáo quyết toán hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã lập, Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành thẩm tra theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

Điều 7. Quyết toán công trình hoàn thành

1. Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng chậm nhất sau 03 tháng, Ủy ban nhân dân xã phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư gửi phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thẩm tra và gửi kết quả cho UBND xã phê duyệt. Hồ sơ quyết toán gồm có:

a. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của UBND xã (*bản chính*).

b. Các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA quy định tại Thông tư 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính (*bản chính*).

c. Các văn bản pháp lý có liên quan gồm có: Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của UBND xã và các văn bản bổ sung (nếu có); Quyết định lựa chọn đơn vị thi công; Biên bản họp cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ cử người đại diện thực hiện ký kết hợp đồng (*bản chính hoặc bản do Chủ đầu tư sao y bản chính*).

d. Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ (*Bản chính*);

e. Hợp đồng, thanh lý hợp đồng (nếu có) giữa Chủ đầu tư với các đơn vị cung ứng vật liệu; Biên bản giao nhận vật liệu; Hóa đơn mua hàng trong trường hợp hỗ trợ bằng vật liệu đến công trình (*bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính*);

f. Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (A-B) giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ (*bản chính*);

g. Bảng tổng hợp quyết toán nguồn vốn huy động khác và các tài liệu, chứng từ chứng minh kèm theo.

h. Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (*bản chính*);

i. Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước thực hiện đối với công trình; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; Báo cáo tình hình chấp hành báo cáo trên của chủ đầu tư.

k. Các văn bản khác có liên quan: Trong quá trình thẩm tra, khi cơ quan thẩm tra có văn bản yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung các tài liệu có liên quan đến công trình để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán.

2. Các nội dung khác liên quan đến vấn đề quyết toán như nội dung thẩm tra, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chế độ báo cáo và kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Sở, Ngành:

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các địa phương; kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các công trình và hiệu quả sử dụng vốn đảm bảo đúng mục tiêu đề ra.

1.2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn và thanh quyết toán xây dựng các công trình có nguồn vốn hỗ trợ thuộc quy định này đảm bảo theo các quy định hiện hành.

1.3. Kho bạc Nhà nước tỉnh: Hướng dẫn cụ thể về công tác kiểm soát thanh toán vốn tại Kho bạc nhà nước theo quy định, bảo đảm thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình thanh toán vốn và triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

2.1. Trên cơ sở nguồn vốn được giao, kịp thời phân bổ cho các xã chủ động triển khai các công trình thực hiện theo quy định tại Quy định này.

2.2. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân tổ chức triển khai xây dựng công trình theo đề nghị của UBND các xã trên địa bàn.

2.3. Tổng hợp kết quả thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các công trình theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

3.1. Công khai, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ, động viên nhân dân tham gia thực hiện xây dựng công trình; cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn các thôn, bản tổ chức triển khai đảm bảo đúng quy định.

3.2. Chỉ đạo bộ phận liên quan tổ chức xây dựng các công trình theo Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, có các vấn đề phát sinh kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp trên để được xem xét điều chỉnh cho phù hợp, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo hiệu quả và đúng quy định.

4. Trong quá trình thực hiện trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới, việc thực hiện được áp dụng theo các văn bản mới đó.

5. Trường hợp có khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện, đề nghị các tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính Bắc Kạn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Thái Hải